TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐƠN DƯƠNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **03**/2020/DS-ST Ngày: 05-5-2020 V/v: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Luyện Thanh Sơn**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Nguyễn Thị Xuân Hoa**
2. Ông **Lê Đức Lam**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nga** - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa*: Bà **Phan Thị Lành** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2019, về việc: "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST- DS ngày 03 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Thái Thị Kim H**, sinh năm: 1971;
Địa chỉ: đường P, thị trấn Th, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn*: Bà **Jơr Lơng Than Nay D**, sinh năm: 1982;
Địa chỉ: thôn P, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:
Ông **Trịnh Văn B**, sinh năm 1968;
Địa chỉ: thôn 3, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà H có mặt; ông B vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà D vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18/7/2019 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Thái Thị Kim H trình bày: Vào ngày 01/10/2018, bà Jơr Lơng Than Nay D có vay của bà số tiền 500.000.000đ, thời hạn vay là 10 ngày (đến hạn là ngày

10/10/2018) mục đích vay để đáo hạn ngân hàng, lãi suất 2%/tháng nhưng chỉ thỏa thuận miệng, không ghi vào giấy vay, khi vay bà D có thế chấp cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng (viết tắt QSD) đất diện tích 568m^2, thuộc thửa số 4, tờ bản đồ 314b, xã xã P mang tên Jơr Lơng Than Nay D để làm tin. Việc vay tiền thì bà D có viết giấy mượn tiền giao cho bà giữ, còn việc thế chấp giấy chứng nhận QSD đất chỉ lập giấy viết tay chứ không đăng ký thế chấp theo quy định. Mặc dù, trong giấy mượn tiền bà D có ghi vay số tiền trên của bà và ông Trịnh Văn B nhưng thực tế số tiền trên là tiền riêng của bà, không liên quan đến ông B. Do không đủ tiền cho bà D vay nên bà có vay 250.000.000đ của ông B để thêm vào số tiền bà có và cho bà D vay lại, ông B chỉ là người đứng tên trên giấy, số tiền vay của ông B thì bà đã trả lại cho ông B. Quá trình vay, bà D đã mượn lại giấy chứng nhận QSD đất diện tích 568m^2 thuộc thửa số 4, tờ bản đồ 314b, xã P để vay ngân hàng và thế chấp giấy chứng nhận QSD đất số AB 410496 do UBND huyện Đ cấp ngày 02/11/2004 cho hộ bà Ma B đối với diện tích 2.757m^2 thuộc thửa số 242, tờ bản đồ 314d, xã P, đến ngày 18/6/2018 đã điều chỉnh sang tên bà D, việc thế chấp không đăng ký theo quy định, hiện nay bà đang giữ giấy chứng nhận QSD đất này. Đến nay bà D chưa thanh toán số tiền nợ gốc và tiền lãi nào. Do đó, yêu cầu bà D có trách nhiệm trả lại cho bà số tiền 500.000.000đ đã vay và sẽ trả lại giấy chứng nhận QSD đất bà đang giữ cho bà D, ngoài ra bà không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Jơr Lơng Than Nay D: Mặc dù, Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ văn bản tố tụng nhưng bà D vẫn không đến Tòa án để làm việc nên không thể hiện ý kiến.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 30/10/2019, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Văn B trình bày: Trước đây ông có quen biết bà H, ông có cho bà H vay nhiều lần tiền và bà H đã trả tiền vay cho ông. Về số tiền 500.000.000đ mà bà H đang khởi kiện yêu cầu bà D trả lại thì ông có cho bà H vay 250.000.000đ để bà H thêm vào với tiền của bà H để thành số tiền 500.000.000đ, sau đó bà H cho bà D vay lại. Mặc dù, trong giấy mượn tiền đề ngày 01/10/2018 do bà D viết có thể hiện nội dung vay tiền của ông và bà Hoa B nhưng số tiền 500.000.000đ này giữa bà H với bà D tự giao dịch với nhau chứ ông không tham gia, ông cũng không cho bà D vay tiền. Ông xác định không liên quan và không có quyền lợi gì đến số tiền 500.000.000đ mà bà H đang khởi kiện yêu cầu bà D phải trả. Ông cũng không nhận thế chấp bất cứ giấy chứng nhận QSD đất nào của bà D. Việc tranh chấp giữa bà H với bà D không liên quan đến ông, ông không có yêu cầu gì, nếu bà D phải trả tiền thì trả cho bà H chứ không phải trả cho ông. Bà H vay của ông số tiền 250.000.000đ thì bà H đã trả cho ông rồi.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do bị đơn bà Jơr Lơng Than Nay D vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Văn B vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị được vắng mặt. Ngoài ra, nguyên đơn bà Thái

Thị Kim H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hoa vẫn giữ nguyên yêu cầu là buộc bị đơn bà D phải trả số tiền 500.000.000đ, bà đồng ý hoàn trả cho bà D giấy chứng nhận QSD đất số AB 410496 do UBND huyện Đ cấp ngày 02/11/2004 cho hộ bà Ma B đối với diện tích 2.757m^2 thuộc thửa số 242, tờ bản đồ 314d, xã P, đến ngày 18/6/2018 đã điều chỉnh sang tên bà D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chưa chấp hành quy định của pháp luật, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H về việc "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*" đối với bị đơn bà D.

Buộc bị đơn bà D có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà H số tiền 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn bà H khởi kiện yêu cầu bị đơn bà D phải trả số tiền 500.000.000đ còn nợ xuất phát từ việc cho vay. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*". Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn P, xã P, huyện Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự:*

Phiên tòa ngày 24 tháng 02 năm 2020, bị đơn bà D, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông B vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, bà D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; ông B đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà D, ông B theo thủ tục chung.

[2] Về việc áp dụng pháp luật nội dung và nghĩa vụ giao nộp chứng cứ:

[2.1] *Về việc áp dụng pháp luật*: Ngày 01/10/2018, bà H cho bà D vay 500.000.000đ, thời hạn vay 10 ngày, khi vay bà D thế chấp cho bà H giấy chứng nhận QSD đất số AB 410496 do UBND huyện Đ cấp ngày 02/11/2004 mang tên hộ bà Ma B đến ngày 18/6/2018 điều chỉnh sang tên người sử dụng là bà D. Do bà D không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình nên phát sinh tranh chấp. Như vậy, tranh chấp giữa bà H với bà D là tranh chấp giữa các cá nhân phát sinh trong hoạt động giao dịch dân sự, thời điểm xác lập giao dịch là ngày 01/10/2018 nên cần áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật đất đai năm 2013 để giải quyết nội dung vụ án.

[2.2] *Về nghĩa vụ giao nộp chứng cứ*: Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì: "*Đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp*". Như vậy, việc cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp thì thuộc trách nhiệm của đương sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền 500.000.0000đ thì Hội đồng xét xử thấy rằng:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, nguyên đơn bà H đã giao nộp cho Tòa án bản chính Giấy mượn tiền đề ngày 01/10/2018 (*bút lục số 57*), thể hiện nội dung: "*Tôi tên Jơr Lơng Than Nay D hiện cư trú tại Próh Trong, xã Próh, Đơn Dương, Lâm Đồng. Hôm nay ngày 01/10/2018 tôi có mượn của anh Trịnh Văn B + Hoa B số tiền 500.000.000đ hẹn trong vòng 10 ngày sẽ hoàn trả số tiền"*. Phía dưới mục người mượn tiền trong giấy mượn tiền nêu trên có chữ ký và chữ viết ghi tên Jơr Lơng Than Nay D. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà D. Tuy nhiên, bà D vẫn không có mặt để thể hiện ý kiến cũng như không giao nộp tài liệu chứng cứ nào liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Mặc dù, trong giấy mượn tiền có thể hiện nội dung bà D vay tiền của ông Trịnh Văn B và bà Thái Thị Kim H (tên thường gọi là Hoa B) nhưng bà H trình bày số tiền 500.000.000đ là tiền riêng của bà, trong số tiền này thì bà có vay 250.000.000đ của ông B để cho bà D vay lại, không liên quan đến ông B. Số tiền vay của ông B để cho bà D vay lại thì bà đã trả lại cho ông B. Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/10/2019 (*bút lục 38*) ông B trình bày và xác nhận số tiền 500.000.000đ mà bà H đang khởi kiện yêu cầu bà D trả lại thì ông có cho bà H vay 250.000.000đ để bà H thêm vào với tiền của bà H để thành số tiền 500.000.000đ sau đó bà H cho bà D vay lại. Trong giấy mượn tiền đề ngày 01/10/2018 do bà D viết có thể hiện nội dung vay tiền của ông và bà Hoa B nhưng số tiền 500.000.000đ này giữa bà H với bà D tự giao dịch với nhau chứ ông không tham gia, ông cũng không cho bà D vay tiền nên không liên quan đến ông và

ông không có quyền lợi gì đến số tiền 500.000.000đ mà bà H đang khởi kiện yêu cầu bà D phải trả lại. Nếu bà D phải trả tiền thì trả cho bà H. Số tiền 250.000.000đ bà H vay của ông và cho bà D vay lại thì bà H đã trả cho ông. Lời trình bày của bà H và ông B là phù hợp, như vậy có căn cứ xác định số tiền 500.000.000đ ghi trong giấy mượn tiền ngày 01/10/2018 là tiền của bà H, không liên quan đến ông B và ông B không có quyền lợi gì trong số tiền này.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà H có yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà D trong giấy mượn tiền ngày 01/10/2018 với chữ ký và chữ viết trong Hợp đồng tặng cho QSD diện tích diện tích 2.757m^2 thuộc thửa số 242, tờ bản đồ 314d, xã P giữa bên tặng cho bà là Ma B, bên được tặng cho là bà D được Văn phòng công chứng Võ Thị Thanh H công chứng ngày 13/6/2018. Tại kết luận giám định số 1845/GĐ- PC09 ngày 26/12/2019 của Phòng kỹ thuận hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận "Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Jơr Lơng Than Nay D dưới mục "người mượn tiền" trong giấy mượn tiền ngày 01/10/2018 với chữ ký, chữ viết trong Hợp đồng tặng cho QSD đất ngày 13/6/2018 giữa bên tặng cho bà Ma B với bên được tặng cho là bà D do cùng một người viết ra".

Vì vậy, có căn cứ nhận thấy ngày 01/10/2018, bà D đã vay của bà H số tiền 500.000.000đ, thời hạn vay 10 ngày nhưng bà D chưa trả cho bà H là vi phạm nghĩa vụ trả tiền.

Đối với việc khi vay tiền bà D có thế chấp cho bà H giấy chứng nhận QSD đất diện tích 568m^2, thuộc thửa số 4, tờ bản đồ 314b, xã xã P mang tên Jơr Lơng Than Nay D, sau đó bà D mượn lại giấy này và thế chấp giấy chứng nhận QSD đất số AB 410496 do UBND huyện Đ cấp ngày 02/11/2004 cho hộ bà Ma B đối với diện tích 2.757m^2 thuộc thửa số 242, tờ bản đồ 314d, xã P, đến ngày 18/6/2018 đã điều chỉnh sang tên bà D. Tuy nhiên, các bên không thực hiện đúng quy định về đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại Điều 298, 317 của Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 4 Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ quy định về đăng ký biện pháp bảo đảm nên không có hiệu lực pháp luật. Do đó buộc bà H phải hoàn trả cho bà D giấy chứng nhận QSD đất số AB 410496.

Từ những phân tích, đánh giá, nhận định nêu trên, căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H, buộc bị đơn bà D có nghĩa vụ thanh toán cho bà H số tiền 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*), bà H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà D giấy chứng nhận QSD đất số AB 410496 do UBND huyện Đ cấp ngày 02/11/2004 là phù hợp với quy định tại các Điều 280, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà H yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết trong giấy mượn tiền ngày 01/10/2018. Kết quả giám định chứng minh yêu cầu giám định của bà H là có căn cứ nên buộc bị đơn bà D có trách nhiệm thanh toán cho bà H 4.500.000đ tiền chi phí giám định này là phù hợp với quy định tại Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn bà D phải chịu 24.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà H, ông B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 và các Điều 146, 147, 161, 205, 220; 227, 228, 262, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 280, 298, 317, 357 và các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ Điều 29 của Pháp lệnh chi phí giám định, định giá, chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng;

- Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện*"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"*của nguyên đơn bà Thái Thị Kim H đối với bị đơn bà Jơr Lơng Than Nay D.

Buộc bà Jơr Lơng Than Nay D có nghĩa vụ thanh toán cho bà Thái Thị Kim H số tiền 500.000.000đ *(Năm trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Buộc bà Thái Thị Kim H có tránh nhiệm hoàn trả cho bà Jơr Lơng Than Nay D giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 410496 do UBND huyện Đ cấp ngày 02/11/2004 cho hộ bà Ma B đối với diện tích 2.757m^2 thuộc thửa số 242, tờ bản đồ 314d, xã P, đến ngày 18/6/2018 đã điều chỉnh sang tên bà Jơr Lơng Than Nay D.

2. *Về chi phí tố tụng*: Buộc bà Jơr Lơng Than Nay D có nghĩa vụ thanh toán cho bà Thái Thị Kim H 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm ngàn đồng*) tiền chi phí tố tụng.

3. *Về án phí*: Buộc bà Jơr Lơng Than Nay D phải chịu 24.000.000đ (*Hai mươi bốn triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Thái Thị Kim H, ông Trịnh Văn B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Hoa 12.000.000đ *(Mười hai triệu đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015879 ngày 13/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

4. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự .

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Luyện Thanh Sơn